

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai tình hình tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngân sách thành phố quý IV năm 2022

#### UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 16/6/2019, Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013 và các văn bản hướng dẫn Luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thành phố về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 25/12/2021 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số: 19/TTr-TCKH ngày 11/01/2023.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình tiến độ giải ngân vốn đầu tư công quý IV năm 2022 của thành phố Hưng Yên với những nội dung chủ yếu sau:

Kế hoạch giao vốn đầu tư công ngân sách thành phố: 241.500.000.000 đồng;  
Thực hiện giải ngân Quý IV: 116.791.875.586 đồng, đạt 48,36 % kế hoạch, cụ thể:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung: Kế hoạch giao: 21.500.000.000 đồng;  
Thực hiện: 20.964.545.159 đồng, đạt 97,51% kế hoạch.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: Kế hoạch giao: 220.000.000.000 đồng;  
Thực hiện: 243.688.572.606 đồng, đạt 110,76% dự toán



3. Nguồn vốn được kéo dài, nguồn kết dư, kinh tế khác, tài trợ: 84.865.074.769 đồng.

(Có phụ lục 01, 02 chi tiết các dự án kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng HĐND- UBND có trách nhiệm công khai Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử thành phố Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- Lưu VT, CVNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Doãn Quốc Hoàn



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022			Thực hiện Quý IV			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
						Tổng số	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh							Ngân sách thành phố
	<b>TỔNG CỘNG</b>					928.435.633.000	526.550.199.000	326.169.434.000	47.626.159.249	7.745.582.841	39.880.576.408	36.365.357.003	7.400.000.000	28.965.357.003
A	Các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư					900.085.633.000	526.550.199.000	318.629.434.000	45.626.159.249	7.745.582.841	37.880.576.408	36.365.357.003	7.400.000.000	28.965.357.003
A.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố					828.024.769.000	508.550.199.000	264.568.570.000	37.789.242.289	2.745.582.841	35.043.659.448	29.018.775.825	2.400.000.000	26.618.775.825
I	Dự án hoàn thành					39.000.000.000	25.625.000.000	13.375.000.000	2.560.510.000	0	2.560.510.000	2.560.510.000	0	2.560.510.000
	Lĩnh vực giao thông													
1	Đường trục xã Hùng Cường (Đoạn từ nhà ông Hoàng thôn Phương Hoàng đến nhà bà Thẩm thôn Cao Xá)	TPHY	1.840 m	2017-2020	2473/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	39.000.000.000	25.625.000.000	13.375.000.000	2.560.510.000		2.560.510.000	2.560.510.000		2.560.510.000
						363.937.570.000	185.878.000.000	123.153.570.000	35.228.732.289	2.745.582.841	32.483.149.448	26.458.265.825	2.400.000.000	24.058.265.825
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022													
	Lĩnh vực giao thông													
1	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục	Phường Hiến Nam	2.596 m	2016-2022	2349/QĐ-UBND, ngày 27/10/2016	121.878.659.000	90.000.000.000	31.878.659.000	18.491.582.841	1.745.582.841	16.746.000.000	14.200.000.000	1.400.000.000	12.800.000.000
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	930 m	2017-2022	1015/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	66.273.000.000	29.750.000.000	36.523.000.000	7.000.000.000	1.000.000.000	6.000.000.000	2.521.116.377	1.000.000.000	1.521.116.377
4	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	Xã Bảo Khê	893,7 m	2020-2023	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	35.000.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
5	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72, địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình Lê Như Hồ đến ngã ba Cu Tuế)	Xã Hồng Nam	2.026,0 m	2020-2023	1275/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	28.486.434.000	17.092.000.000	11.394.434.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
6	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường Chùa Chuông, Bãi Sậy, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.749,0 m	2020-2023	1063/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	28.393.477.000	17.036.000.000	11.357.477.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
7	Đường trục liên xã Hùng Cường - Phú Cường ( đoạn từ ông Cự xã Hùng Cường đến nhà ông Mạnh xã Phú Cường)	Xã Hùng Cường, Phú Cường	2.333,0 m	2020-2023	2505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	29.000.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000	3.737.149.448		3.737.149.448	3.737.149.448		3.737.149.448

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022			Thực hiện Quý IV			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
						Tổng số	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh							Ngân sách thành phố
III	Dự án mới					425.087.199.000	297.047.199.000	128.040.000.000	0	0	0	0	0	0
A.2	Xí nghiệp KTCT thủy lợi TP					72.060.864.000	18.000.000.000	54.060.864.000	7.836.916.960	5.000.000.000	2.836.916.960	7.346.581.178	5.000.000.000	2.346.581.178
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2022					72.060.864.000	18.000.000.000	54.060.864.000	7.836.916.960	5.000.000.000	2.836.916.960	7.346.581.178	5.000.000.000	2.346.581.178
	Lĩnh vực khác													
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo	TPHY	Công ngầm, đường, cây	2011-2018	2062/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	72.060.864.000	18.000.000.000	54.060.864.000	7.836.916.960	5.000.000.000	2.836.916.960	7.346.581.178	5.000.000.000	2.346.581.178
B	Đối ứng các công trình công trình do Ban QLDA Sở NN&PTNT tỉnh làm chủ đầu tư					28.350.000.000	0	7.540.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	0
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2021					28.350.000.000	0	7.540.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	0
	Lĩnh vực khác													
1	Bờ bao kênh xả tiêu trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	TPHY	2200 m	2020-2021	1882/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	28.350.000.000		7.540.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	0		



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Quyết định số: 202/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác
						Tổng số	Ngân sách thành phố								
<b>TỔNG CỘNG</b>						931.733.338.000	761.663.296.000	346.675.385.910	13.754.417.159	326.309.621.151	6.611.347.600	313.152.835.531	13.564.545.159	292.976.942.772	6.611.347.600
Các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư															
A.1	Ban QLDA xây dựng KCHT đô thị thành phố														
A	Các đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ chủ đầu tư					662.581.837.000	656.581.837.000	116.817.840.751	10.754.417.159	106.063.423.592	0	100.107.731.066	10.564.545.159	89.543.185.907	0
A.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố					533.549.798.000	527.549.798.000	91.317.840.751	5.846.662.199	85.471.178.552	0	75.830.220.066	5.846.662.199	69.983.557.867	0
I	Dự án hoàn thành					53.293.977.000	53.293.977.000	6.846.662.199	5.846.662.199	1.000.000.000	0	6.846.662.199	5.846.662.199	1.000.000.000	0
<b>Lĩnh vực giao thông</b>															
1	Đường Chùa Diệu giai đoạn II (đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên)	Phường An Tảo	480 m	2019-2021	2652/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	12.906.377.000	12.906.377.000	1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH72 đoạn từ ngã ba Phương Cái đến giáp đình Lê Như Hồ	Xã Hồng Nam	2.008 m	2019-2021	2592/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	25.388.809.000	25.388.809.000	4.346.662.199	4.346.662.199			4.346.662.199	4.346.662.199		
<b>Lĩnh vực giáo dục</b>															
3	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành; hạng mục: Nhà lớp học	TPHY	18 phòng	2019-2021	1265/QĐ-UBND, 03/6/2019	14.998.791.000	14.998.791.000	1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000		
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022					188.864.140.000	187.864.140.000	32.373.178.552	0	32.373.178.552	0	31.533.314.552	0	31.533.314.552	0
<b>Lĩnh vực giao thông</b>															
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du	Phường Quang Trung	244 m	2020-2021	2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.895.342.000	5.895.342.000	1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu	TPHY	1.502 m	2021-2023	3538/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	9.354.136.000	9.354.136.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn trước cửa UBND xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng	500 m	2021-2023	3541/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	6.465.474.000	6.465.474.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
4	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CĐSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	Phường An Tảo	349 m	2019-2021	2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.781.997.000	7.781.997.000	0		0		0		0	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ Phố Ngô Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục)	Phường An Tảo	368 m	2019-2021	2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.155.567.000	12.155.567.000	0		0		0		0	
4	Xây dựng đường GTNT xã Trung Nghĩa, TP HY (Đoạn từ nhà ông Đãi thôn Đặng Cầu đến nhà ông Sỹ thôn Đào Đặng)	Xã Trung Nghĩa	970 m		1699/QĐ-UBND ngày 19/7/2013	8.371.073.000	7.371.073.000	1.500.000.000		1.500.000.000		1.386.000.000		1.386.000.000	
<b>Lĩnh vực giáo dục</b>															
5	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, sân chơi, các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và THCS Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh	3.432 m2	2021-2023	3552/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.251.334.000	14.251.334.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>															
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trưng Trắc, Trưng Nhị, Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hưng Yên	TPHY	12.240 m2	2021-2023	3542/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	8.743.362.000	8.743.362.000	1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác
						Tổng số	Ngân sách thành phố								
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên	TPHY	9.500 m2	2021-2023	3549/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.859.671.000	6.859.671.000	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
8	Cải tạo vỉa hè QL38 đoạn từ cầu Chợ Đầu đến hết địa phận thành phố	Xã Trung Nghĩa	1.500 m	2021-2023	3659/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	29.815.012.000	29.815.012.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Phường Hiến Nam	14.054 m2	2021-2023	833/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	16.138.758.000	16.138.758.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
10	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ Vòng xuyên Ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật	TPHY	7.466 m2	2021-2023	3661/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	18.230.000.000	18.230.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
11	Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1 - khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên	TPHY	19.400 m2	2021-2023	3554/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.980.078.000	6.980.078.000	1.800.000.000		1.800.000.000		1.800.000.000		1.800.000.000	
12	Cải tạo hệ thống chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL.38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	TPHY	2.100 m	2020-2022	2435/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.610.328.000	3.610.328.000	610.328.000		610.328.000		610.328.000		610.328.000	
13	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chuông, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.200 m	2020-2022	2306/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	3.072.000.000	3.072.000.000	1.100.000.000		1.100.000.000		1.100.000.000		1.100.000.000	
<b>Lĩnh vực văn hóa, thể thao</b>												1.274.136.000		1.274.136.000	
14	Cải tạo khuôn viên nhà lưu niệm Bác Hồ	TPHY	1.900 m2	2021-2023	3553/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	4.279.488.000	4.279.488.000	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
15	Cải tạo vòng xuyên Chợ Gạo	TPHY	1.032 m2	2021-2023	1704/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	6.596.308.000	6.596.308.000	1.265.370.600		1.265.370.600		1.265.370.600		1.265.370.600	
16	Cải tạo vòng xuyên ngân hàng Công Thương	TPHY	9.650 m2	2021-2023	1705/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	5.457.641.000	5.457.641.000	1.097.479.952		1.097.479.952		1.097.479.952		1.097.479.952	
17	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa	TPHY	24.575 m2	2021-2023	1706/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	14.806.571.000	14.806.571.000	500.000.000		500.000.000		500.000.000		500.000.000	
						<b>70.488.082.000</b>	<b>70.488.082.000</b>	<b>11.154.000.000</b>	<b>0</b>	<b>11.154.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.827.026.915</b>	<b>0</b>	<b>6.827.026.915</b>	<b>0</b>
III	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2022</b>														
<b>Lĩnh vực giao thông</b>												673.026.915		673.026.915	
1	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (đoạn từ ĐH 72 đến ĐT 378)	Xã Hồng Nam	500 m	2018-2020	2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	16.798.706.000	16.798.706.000	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn Từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hanh)	Xã Quảng Châu	1.750 m	2021-2023	3664/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	24.566.000.000	24.566.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ quỹ tín dụng nhân dân xã Hồng Nam đến đường trục xã Phương Chiêu)	Xã Hồng Nam	600 m	2021-2023	3539/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	7.103.745.000	7.103.745.000	750.000.000		750.000.000		750.000.000		750.000.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyên Hãn)	Phường Lam Sơn	530 m	2021-2023	3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994.000.000	14.994.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	
						Tổng số	Ngân sách thành phố									
5	Cải tạo, nâng cấp đường phía tây sông Điện Biên (đoạn từ cầu An Tảo đến đường Chùa Điều)	Phường An Tảo	700 m	2021-2023	3540/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	7.025.631.000	7.025.631.000	2.404.000.000		2.404.000.000		2.404.000.000		2.404.000.000		
IV	<b>Dự án mới</b>					<b>220.903.599.000</b>	<b>215.903.599.000</b>	<b>40.944.000.000</b>	<b>0</b>	<b>40.944.000.000</b>	<b>0</b>	<b>30.623.216.400</b>	<b>0</b>	<b>30.623.216.400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>															
1	Cải tạo nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường	500 m	2021-2025	3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.620.089.000	5.620.089.000	2.500.000.000		2.500.000.000		1.326.200.000		1.326.200.000		
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Nguyễn Thiện Thuật, Trưng Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.280 m	2021-2025	3771/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	11.274.839.000	11.274.839.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến nghĩa trang; đoạn 2: Từ nhà ông Hưng, thôn Kệ Châu 2 đến đường trục xã)	Xã Phú Cường	900 m	2021-2025	3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.860.000.000	14.860.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000		2.639.576.400		2.639.576.400		
	<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>															
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	TPHY	17.540 m <sup>2</sup>	2021-2025	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.490.000.000	21.490.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000		3.830.000.000		3.830.000.000		
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá	TPHY	5.672 m <sup>2</sup>	2021-2025	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198.000.000	29.198.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000		
6	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	TPHY	10.500 m <sup>2</sup>	2021-2025	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	52.847.833.000	52.847.833.000	7.000.000.000		7.000.000.000		0		0		
7	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	7.764 m <sup>2</sup>	2019-2022	2465/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.784.964.000	7.784.964.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		
8	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	TPHY	HTKT	2021-2025	3776/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.597.861.000	19.597.861.000	4.000.000.000		4.000.000.000		3.420.000.000		3.420.000.000		
	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>															
9	Trường mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	Xã Hồng Nam	6 phòng	2021-2025	3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	32.276.772.000	32.276.772.000	5.000.000.000		5.000.000.000		3.963.440.000		3.963.440.000		
10	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành; hạng mục: Nhà học đa năng	TPHY	818 m <sup>2</sup>	2021-2023	2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.853.241.000	1.853.241.000	500.000.000		500.000.000		500.000.000		500.000.000		
	<b>Lĩnh vực văn hóa, thể thao</b>															
11	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	TPHY	2,4 ha	2021-2025	3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.100.000.000	19.100.000.000	3.944.000.000		3.944.000.000		3.944.000.000		3.944.000.000		
A.2	<b>Hạt Giao thông thành phố</b>															
I	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2022</b>															
	<b>Lĩnh vực giao thông</b>															
						<b>28.208.150.000</b>	<b>28.208.150.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>5.789.389.000</b>	<b>0</b>	<b>5.789.389.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
						<b>26.318.823.000</b>	<b>26.318.823.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	
						Tổng số	Ngân sách thành phố									
1	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông xã Hùng Cường (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng thôn Phương Hoàng đến đê bãi; Đoạn 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Quyền thôn Phương Hoàng)	Xã Hùng Cường	1.250 m	2021-2025	3518/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	14.680.353.000	14.680.353.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiêu (đoạn từ đốc Vị đến chợ Vị cũ)	Xã Phương Chiêu	800 m	2021-2025	3530/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	11.638.470.000	11.638.470.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000			
<b>II</b>	<b>Dự án mới</b>					<b>1.889.327.000</b>	<b>1.889.327.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>789.389.000</b>	<b>0</b>	<b>789.389.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng đoạn từ đường Chùa Chuông - Chu Mạnh Trinh	TPHY	305 m	2021-2025	2898/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1.889.327.000	1.889.327.000	1.000.000.000			1.000.000.000		789.389.000			789.389.000
<b>A.3</b>	<b>Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên</b>					<b>10.566.270.000</b>	<b>10.566.270.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>					<b>10.566.270.000</b>	<b>10.566.270.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lắp đặt đèn trồng hoa trang trí cảnh quan công viên Hồ Bán Nguyệt phục vụ các hoạt động kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/02/2020) và chào mừng Đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng	TPHY	Công trình điện	2019-2021	2307/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	6.190.568.000	6.190.568.000	1.500.000.000			1.500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000
2	Cải tạo, sửa chữa, thay thế các cột đèn chiếu pha 11-30m và chiếu sáng kiến trúc trên địa bàn thành phố Hưng Yên	TPHY	Công trình điện	2019-2021	2308/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	4.375.702.000	4.375.702.000	1.000.000.000			1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000
<b>A.4</b>	<b>Phòng Quản lý đô thị thành phố</b>					<b>55.585.636.000</b>	<b>55.585.636.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>4.907.754.960</b>	<b>2.092.245.040</b>	<b>0</b>	<b>5.988.122.000</b>	<b>4.717.882.960</b>	<b>1.270.239.040</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>					<b>48.585.636.000</b>	<b>48.585.636.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>4.907.754.960</b>	<b>92.245.040</b>	<b>0</b>	<b>4.810.128.000</b>	<b>4.717.882.960</b>	<b>92.245.040</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng trường THCS Nguyễn Quốc Ân	TPHY	935 m2	2018-2020	1192/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	48.585.636.000	48.585.636.000	5.000.000.000	4.907.754.960	92.245.040		4.810.128.000	4.717.882.960	92.245.040		
<b>II</b>	<b>Dự án mới</b>					<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.177.994.000</b>	<b>0</b>	<b>1.177.994.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng, lắp đặt máy tập tại các công viên khu vực trung tâm	TPHY	200 bộ	2021-2025	3779/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	7.000.000.000	7.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		1.177.994.000			1.177.994.000
<b>A.5</b>	<b>Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố</b>					<b>18.081.087.000</b>	<b>18.081.087.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022</b>					<b>13.560.547.000</b>	<b>13.560.547.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Kiên cố hóa kênh dẫn trạm bơm An Vũ đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tô Hiệu	TPHY	56,5 m	2021-2023	Số 1787/QĐ-UBND, ngày 23/6/2021	2.715.601.000	2.715.601.000	1.000.000.000			1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000
2	Cải tạo, nâng cấp sông Tân An	Xã Trung Nghĩa	1.500 m	2021-2023	Số 3389/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	10.844.946.000	10.844.946.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000			3.000.000.000
<b>II</b>	<b>Dự án mới</b>					<b>4.520.540.000</b>	<b>4.520.540.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nạo vét sông Điện Biên đoạn từ trạm bơm An Vũ đến cầu Xóm Đông	Phường Hiến Nam, TP Hưng Yên	250 m	2022-2025	Số 2682/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	566.666.000	566.666.000	500.000.000			500.000.000		500.000.000			500.000.000



TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV					
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	
						Tổng số	Ngân sách thành phố									
2	Kiên cố hóa tuyến kênh ông Diên - Trạm bơm Hồng Nam	Xã Hồng Nam	265 m	2021-2025	Số 2087/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	3.953.874.000	3.953.874.000	1.500.000.000			1.500.000.000			1.500.000.000		
A.6	<b>Phòng Kinh tế thành phố</b>					<b>16.590.896.000</b>	<b>16.590.896.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>
I	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022</b>					<b>16.590.896.000</b>	<b>16.590.896.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000.000.000</b>
1	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	TPHY	2.600 m	2021-2023	Số 3527/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	8.468.571.000	8.468.571.000	2.000.000.000			2.000.000.000			2.000.000.000		
2	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Trần Hưng Đạo và triển đê Bảo Khê	TPHY	2.300 m	2021-2023	Số 3526/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	8.122.325.000	8.122.325.000	2.000.000.000			2.000.000.000			2.000.000.000		
B	<b>Kinh phí đối trừ GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KDC mới do UBND thành phố và UBND phường, xã làm chủ đầu tư (được đối trừ cụ thể các dự án sau khi có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh)</b>							<b>80.092.873.235</b>	<b>0</b>	<b>80.092.873.235</b>	<b>0</b>	<b>78.221.656.250</b>	<b>0</b>	<b>78.221.656.250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
B.1	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>							<b>62.729.970.235</b>	<b>0</b>	<b>62.729.970.235</b>	<b>0</b>	<b>60.858.753.250</b>	<b>0</b>	<b>60.858.753.250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
I	<b>Dự án hoàn thành</b>							<b>62.729.970.235</b>	<b>0</b>	<b>62.729.970.235</b>	<b>0</b>	<b>60.858.753.250</b>	<b>0</b>	<b>60.858.753.250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC mới phường Hiến Nam để đầu giá QSĐĐ (Vị trí số 1: Giáp trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh; Vị trí số 2: Giáp trụ sở hạt giao thông và đội trật tự đô thị TP)	Hiển Nam	0,62 ha		2552/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	5.837.723.433	5.837.723.433									
II	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>0</b>								
1	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu - Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư	TPHY	10.000 m2	2021-2025	3551/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	5.680.345.000	5.680.345.000									
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ công tác GPMB QL 38B địa phận xã Trung Nghĩa	Trung Nghĩa	HTKT	2012-2020	2386/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	13.948.000.000	13.948.000.000									
3	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hồ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Lam Sơn	3,14 ha	2019-2021	1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	53.389.821.000	53.389.821.000	25.266.894.000		25.266.894.000		25.266.894.000		25.266.894.000		
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	Trung Nghĩa	0,71 ha	2018-2020	2054/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	5.065.378.000	5.065.378.000					0				
5	Xây dựng HTKT phần còn lại KDC phía nam đường Đinh Diên để phục vụ đầu giá QSĐĐ	TPHY	1,4 ha	2018-2021	796/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	10.879.841.700	10.879.841.700					0				
III	<b>Dự án mới</b>							<b>0</b>				<b>0</b>				
1	Xây dựng KDC mới Tỉnh Linh xã Trung Nghĩa	Trung Nghĩa	2,99 ha	2020-2022	QĐ DA số 644/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	41.935.883.000	41.935.883.000	34.998.910.000		34.998.910.000		33.144.910.000		33.144.910.000		
2	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê							<b>0</b>				<b>0</b>				
a	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 01)	Bảo Khê	1,04 ha	2020-2022	3069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.980.733.000	14.980.733.000					<b>0</b>				

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác
						Tổng số	Ngân sách thành phố								
b	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 02)	Bảo Khê	3,98 ha	2021-2023	QĐ số 610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	56.263.967.000	56.263.967.000					0			
3	Xây dựng KDC mới xã Phương Chiểu	Phương Chiểu	1,81 ha	2019-2021	497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	22.805.550.000	22.805.550.000	2.464.166.235		2.464.166.235		2.446.949.250		2.446.949.250	
4	Xây dựng khu dân cư mới xã Phú Cường	Phú Cường	1,46 ha	2021-2025	QĐ 342/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	23.410.656.000	23.410.656.000								
5	Xây dựng KDC mới phường Minh Khai (Khu đất hạt 2 quốc lộ 38 (bến phà Yên Lệnh cũ))	Minh Khai	0,10 ha	2019-2023	851/QĐ-UBND ngày 11/6/2020	621.997.000	621.997.000								
6	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 01	Phường Lam Sơn	5,58 ha	2022-2025		53.700.000.000	53.700.000.000								
7	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 02	Phường Lam Sơn	3,58 ha	2022-2025		46.540.000.000	46.540.000.000								
8	Xây dựng KDC mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và công ty may Hưng Long)	Phường Lam Sơn	5,93 ha	2021-2025		80.010.000.000	80.010.000.000								
9	Xây dựng KDC mới xã Bảo Khê (vị trí số 01 và 02)	Xã Bảo Khê	5,65 ha	2021-2025		72.462.000.000	72.462.000.000								
10	Xây dựng khu dân cư mới Tỉnh Linh, xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	Xã Trung Nghĩa	4,80 ha	2022-2025		62.400.000.000	62.400.000.000								
11	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (giai đoạn 3)	Xã Trung Nghĩa	9,80 ha	2022-2025		127.400.000.000	127.400.000.000								
12	Khu dân cư mới phường An Tào	Phường An Tào	8,10 ha	2022-2025		116.997.000.000	116.997.000.000								
13	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	7.764 m2	2019-2022	2465/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.784.964.000	7.784.964.000								
14	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)	Phường Lam Sơn	3,86 ha	2022-2025		85.948.000.000	85.948.000.000								
B.2	<b>Hạt Giao thông thành phố</b>					<b>90.964.286.606</b>	<b>90.964.286.606</b>	<b>17.362.903.000</b>	<b>0</b>	<b>17.362.903.000</b>	<b>0</b>	<b>17.362.903.000</b>	<b>0</b>	<b>17.362.903.000</b>	<b>0</b>
I	<b>Dự án hoàn thành</b>					0									
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2017-2018	838/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	5.888.493.535	5.888.493.535								
II	<b>Dự án chuyển tiếp</b>														
1	Hạ tầng kỹ thuật KDC sau trường THCS Nguyễn Tất Thành	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2019-2022	2029/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	3.785.309.000	3.785.309.000								
2	HTKT khu tái định cư giáp bãi tập lái xe	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2025	2400/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	8.290.484.071	8.290.484.071								
3	Khu dân cư mới phố An Bình, phường An Tào	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2025		13.000.000.000	13.000.000.000								

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV					
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	
						Tổng số	Ngân sách thành phố									
5	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khách sạn Thái Bình)	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2025		10.000.000.000	10.000.000.000									
III	<b>Dự án mới</b>					0										
1	Khu dân cư mới xã Bảo Khê	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2025		10.000.000.000	10.000.000.000	9.698.494.000		9.698.494.000		9.698.494.000		9.698.494.000		
2	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2023	3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	43.345.627.000	43.345.627.000	7.664.409.000		7.664.409.000		7.664.409.000		7.664.409.000		
C	<b>Kinh phí bố trí cho các công trình được phê duyệt quyết toán</b>							<b>15.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>14.958.373.456</b>	<b>0</b>	<b>14.958.373.456</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>							<b>12.341.815.690</b>		<b>12.341.815.690</b>	<b>0</b>	<b>12.309.479.690</b>	<b>0</b>	<b>12.309.479.690</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Đường trục xã Hùng Cường – Lam Sơn (từ ông Thịnh phường Lam Sơn đến ĐH 378)							1.918.389.000		1.918.389.000		1.918.389.000		1.918.389.000		
2	Xây dựng đường GTNT từ xã Hồng Nam đến xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Việt)							31.174.061		31.174.061		31.174.061		31.174.061		
3	Di chuyển đường ống cấp nước phục vụ GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Hưng Hà và đường dẫn hai đầu cầu, thuộc tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình							12.164.207		12.164.207		12.164.207		12.164.207		
4	Xây dựng khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà xã Tân Hưng Thành phố Hưng Yên							250.000.000		250.000.000		250.000.000		250.000.000		
5	Xây dựng HTKT KDC mới phường Hiến Nam để đầu giá QSDĐ (vị trí số 1: giáp trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh; Vị trí số 2: Giáp trụ sở hạt giao thông và đội trật tự đô thị; hạng mục: San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật điện tại vị trí số 1 và hạ tầng vườn hoa tại vị trí số 2							105.211.788		105.211.788		105.211.788		105.211.788		
6	Trường mầm non xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên							69.833.000		69.833.000		69.833.000		69.833.000		
7	Xây dựng hệ thống thoát nước đường cạnh nhà máy mút xốp (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến sông Điện Biên và KDC phường An Tảo)							1.534.198.500		1.534.198.500		1.534.198.500		1.534.198.500		
8	Cải tạo, nâng cấp đường cạnh nhà máy Mút xốp (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường bờ sông điện biên) và KDC phường An Tảo; Hạng mục: Nền, mặt đường							463.168.341		463.168.341		463.168.341		463.168.341		
9	Xây dựng đường phía Tây đài phát thanh truyền hình tỉnh (giai đoạn II); Hạng mục: Bê tông nhựa mặt đường và rãnh thoát nước							341.986.837		341.986.837		341.986.837		341.986.837		
10	Xây dựng Chợ Phố Hiến							252.041.000		252.041.000		219.705.000		219.705.000		

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV					
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác		
						Tổng số	Ngân sách thành phố										
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn cao, xã Bảo Khê (Nền mặt đường, thoát nước, ATGT và di chuyển điện)							318.490.275		318.490.275		318.490.275		318.490.275			
12	Đường trục liên xã Hoàng Hanh - Hồng Nam - Tân Hưng. Hạng mục: Nền mặt đường, thoát nước và ATGT							3.331.176.800		3.331.176.800		3.331.176.800		3.331.176.800			
13	Đường trục xã Hùng Cường (Đoạn từ nhà bà ông Hoàng thôn Phương Hoàng đến nhà bà Thắm thôn Cao Xá)							60.965.534		60.965.534		60.965.534		60.965.534			
14	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành. Hạng mục: Nhà lớp học							1.300.000.000		1.300.000.000		1.300.000.000		1.300.000.000			
15	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu phố Bùi Thị Xuân, Mạc Thị Bưởi, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên							40.843.000		40.843.000		40.843.000		40.843.000			
16	Cải tạo, nâng cấp đường Đầm Sen B (đoạn từ đường Tô Hiệu đến địa phận xã Hồng Nam)							2.312.173.347		2.312.173.347		2.312.173.347		2.312.173.347			
	<b>Hạt Giao thông thành phố</b>							<b>2.658.184.310</b>	<b>0</b>	<b>2.658.184.310</b>	<b>0</b>	<b>2.648.893.766</b>	<b>0</b>	<b>2.648.893.766</b>	<b>0</b>		
17	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)							2.658.184.310		2.658.184.310		2.648.893.766		2.648.893.766			
<b>D</b>	<b>Hỗ trợ UBND các phường, xã</b>							<b>262.298.260.000</b>	<b>103.228.218.000</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>34.999.999.999</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>31.999.999.999</b>	<b>0</b>
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Xây dựng trường THCS xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên	Xã Phương Chiểu	6.160 m2	2020-2023	212/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	55.763.309.000	7.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			
2	Trường THCS xã Phương Chiểu; Hạng mục: San nền, công tường rào	Xã Phương Chiểu	6.160 m2	2020-2022	473/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	12.410.358.000	5.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000		0					
3	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng các phòng học bộ môn trường THCS Quảng Châu	Xã Quảng Châu	6 phòng	2020-2022	Số 292/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	11.872.268.000	5.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000				
4	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Xây dựng 02 phòng học bộ môn, khu vệ sinh chung và phá dỡ các hạng mục công trình trường tiểu học và THCS Hồng Nam	Xã Hồng Nam	02 phòng	2021-2023	904/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	5.119.226.000	3.500.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000			
5	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến cuối vườn nhà ông Dân)	Xã Quảng Châu	1175,4 m	2020-2022	578/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	11.402.769.000	5.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000			
6	Hỗ trợ UBND xã Liên Phương để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn An Chiểu 1, xã Liên Phương, đoạn 1: Từ nhà ông Trí đến Chùa Hạ (giai đoạn 2), đoạn 2: Từ Chùa Hạ đến cổng Đình Cầu	Xã Liên Phương	1555 m	2021-2023	3532/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	12.426.291.000	8.500.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000			

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán		Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV					
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	
						Tổng số	Ngân sách thành phố									
7	Hỗ trợ UBND phường Lam Sơn để xây dựng công trình: Xây dựng khối phòng hành chính quản trị và các phòng học bộ môn trường THCS Lam Sơn	Phường Lam Sơn	1.320 m2	2020-2022	Số 192A/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	14.962.121.000	5.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		1.999.999.990		1.999.999.990	
8	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng trường mầm non xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Xã Trung Nghĩa	6 phòng	2020-2022	Số 722/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.234.663.000	5.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
9	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Xây dựng mới khu hiệu bộ (bao gồm cả nhà vệ sinh giáo viên) và 02 phòng chức năng và bếp ăn bán trú trường mầm non Hoàng Hanh	Xã Hoàng Hanh	10 phòng	2020-2022	Số 3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019	12.228.218.000	12.228.218.000	3.000.000.000			3.000.000.000		0			
10	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Đường giao thông từ nhà Ông Huân đến đường nối 2 đường cao tốc	xã Trung Nghĩa	1530,3 m	2020-2022	700/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.972.209.000	6.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
11	Hỗ trợ UBND xã Liên Phương để xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn xã Liên Phương (đoạn từ Cổng Trung Nghĩa đường Đồng Đông đến đường Ô Gà)	xã Liên Phương	3012,7 m	2020-2022	233A/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	12.661.845.000	5.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
12	Hỗ trợ UBND phường Lê Lợi để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi	Phường Lê Lợi	735 m2	2021-2023	1792/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10.746.482.000	10.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
13	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nhà văn hóa trung tâm xã Hồng Nam	Xã Hồng Nam	835,00 m2	2021-2023	Số 107A/QĐ-UBND, ngày 14/6/2021	12.009.501.000	6.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
14	Hỗ trợ UBND phường Hiến Nam để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng (18 phòng) trường THCS Hiến Nam	Phường Hiến Nam	18ph	2020-2022	Số 196/QĐ-UBND, ngày 26/10/2019	14.460.226.000	4.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
15	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường	Xã Phú Cường	1158m2 và phụ trợ	2021-2025	Số 210/QĐ-UBND, ngày 28/9/2021	14.664.113.000	5.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	
16	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Xây dựng mới 4 phòng chức năng và nhà bếp ăn bán trú trường tiểu học Quảng Châu	Xã Quảng Châu	4 phòng	2021-2025	Số 680/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000		0			
17	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Xây dựng mới 03 phòng chức năng; 04 phòng học trường tiểu học Bảo Khê	Xã Bảo Khê	7ph	2021-2025	Số 307/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	10.679.969.000	2.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
18	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Xây dựng phòng tổ bộ môn, phòng học chức năng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị trường tiểu học Hùng Cường	Xã Hùng Cường	560 m2	2021-2025	Số 423/QĐ-UBND ngày 14/11/2020	10.781.731.000	4.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
19	Hỗ trợ UBND phường Hiến Nam để xây dựng công trình: Trường mầm non Hiến Nam (điểm trường An Đông)	Phường Hiến Nam	828 m2	2021-2022	Số 450/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	8.902.961.000	3.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
E	Từ nguồn Kết dư							83.967.334.324	0	83.967.334.324	0	76.227.190.669	0	76.227.190.669	0	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác
						Tổng số	Ngân sách thành phố								
	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>							<b>40.800.000.000</b>	<b>0</b>	<b>40.800.000.000</b>	<b>0</b>	<b>34.756.400.000</b>	<b>0</b>	<b>34.756.400.000</b>	<b>0</b>
1	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	7.764 m2	2019-2022	2465/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.784.964.000	7.784.964.000	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ vòng xuyên ngân hàng Công Thương đến ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật							5.000.000.000		5.000.000.000		4.500.000.000		4.500.000.000	
3	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp mặt các tuyến đường trong khu dân cư							2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
4	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Lê Văn Lương (QL.38B), xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên							1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
5	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, sân chơi và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và THCS Hoàng Hanh							2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000	
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Trung Trắc, Trung Nhi, Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hưng Yên							400.000.000		400.000.000		400.000.000		400.000.000	
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Tân Nhân, 266, thành phố Hưng Yên							800.000.000		800.000.000		800.000.000		800.000.000	
8	Khu vui chơi giải trí công viên Nam Hòa							7.000.000.000		7.000.000.000		7.000.000.000		7.000.000.000	
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sĩ tỉnh Hưng Yên							3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ ngã 5 đường Dương Hữu Miên giáp nhà ông Tâm thôn 3 đến nhà ông Mai thôn 5 giáp xã Hoàng Hanh)							7.000.000.000		7.000.000.000		3.821.400.000		3.821.400.000	
11	Cải tạo vỉa hè QL 38B đoạn từ cầu Chợ Dầu đến hết địa phận thành phố							1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu TĐC phục vụ GPMB cầu Hưng Hà thuộc các xã Hồng Nam, Tân Hưng, Phương Chiểu							500.000.000		500.000.000		500.000.000		500.000.000	
13	Đóng cửa Ô chôn lấp rác số 1 - Khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên							1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục							2.100.000.000		2.100.000.000		0			
15	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Nguyễn Thiện Thuật, Trung Trắc, Phan Đình Phùng, thành phố Hưng Yên							5.000.000.000		5.000.000.000		4.735.000.000		4.735.000.000	
	<b>Hạt Giao thông thành phố</b>							<b>14.721.229.870</b>	<b>0</b>	<b>14.721.229.870</b>	<b>0</b>	<b>14.705.094.870</b>	<b>0</b>	<b>14.705.094.870</b>	<b>0</b>
16	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2023	3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	43.345.627.000	43.345.627.000	699.695.000		699.695.000		699.695.000		699.695.000	
17	XD KDC mới phường Lam Sơn (khu đô thị Tân Phố Hiến) - giai đoạn I	TPHY	Hạ tầng kỹ thuật	2021-2025				827.060.000		827.060.000		827.060.000		827.060.000	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	
						Tổng số	Ngân sách thành phố									
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe (phía sau trường THPT Quang Trung và trường Văn hóa nghệ thuật)							3.194.474.870		3.194.474.870		3.194.474.870				
19	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông xã Hùng Cường (Đoạn 1: Từ nhà ông Hoàng thôn Phương Hoàng đến đê bãi; Đoạn 2: Từ nhà ông Hiền đến nhà ông Quyền thôn Phương Hoàng)							4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000				
19	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phương Chiếu (đoạn từ đóc Vĩ đến chợ Vĩ cũ)							3.000.000.000		3.000.000.000		2.983.865.000				2.983.865.000
21	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giáp bãi tập lái xe							3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000				3.000.000.000
	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố</b>							<b>2.256.862.273</b>		<b>2.256.862.273</b>	<b>0</b>	<b>2.253.498.953</b>	<b>0</b>	<b>2.253.498.953</b>		<b>0</b>
21	Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên							2.256.862.273		2.256.862.273		2.253.498.953				2.253.498.953
	<b>Phòng Quản lý đô thị thành phố</b>							<b>2.060.884.498</b>		<b>2.060.884.498</b>	<b>0</b>	<b>1.970.574.478</b>	<b>0</b>	<b>1.970.574.478</b>		<b>0</b>
22	Xây dựng trường THCS Nguyễn Quốc Ân							2.060.884.498		2.060.884.498		1.970.574.478				1.970.574.478
	<b>Cơ quan Thành ủy Hưng Yên</b>							<b>30.000.000</b>		<b>30.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
23	Trụ sở làm việc Thành ủy, Ủy ban mật trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố Hưng Yên							30.000.000		30.000.000		0				0
	<b>Ban QLDA Sở NN&amp;PTNT tỉnh</b>							<b>168.522.683</b>		<b>168.522.683</b>	<b>0</b>	<b>168.522.683</b>	<b>0</b>	<b>168.522.683</b>		<b>0</b>
24	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên							168.522.683		168.522.683		168.522.683				168.522.683
	<b>Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố</b>							<b>4.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.500.000.000</b>		<b>0</b>
25	Cải tạo, nâng cấp sông Tân An							3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000				3.000.000.000
26	Kiểm cố hóa tuyến kênh ông Điền - Trạm bơm Hồng Nam							1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000				1.500.000.000
	<b>UBND phường Lê Lợi</b>							<b>3.000.000.000</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000.000</b>		<b>0</b>
27	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi							3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000				3.000.000.000
	<b>UBND xã Bảo Khê</b>							<b>2.919.835.000</b>		<b>2.919.835.000</b>	<b>0</b>	<b>2.919.835.000</b>	<b>0</b>	<b>2.919.835.000</b>		<b>0</b>
28	Xây dựng mới 03 phòng chức năng; 04 phòng học trường tiểu học Bảo Khê							1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000				1.000.000.000
29	Nhà văn hóa xã Bảo Khê							1.919.835.000		1.919.835.000		1.919.835.000				1.919.835.000
	<b>UBND xã Trung Nghĩa</b>							<b>1.500.000.000</b>		<b>1.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.500.000.000</b>		<b>0</b>
30	Đường giao thông từ nhà Ông Huấn đến đường nối 2 đường cao tốc							1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000				1.500.000.000
	<b>UBND xã Liên Phương</b>							<b>4.500.000.000</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.375.061.685</b>	<b>0</b>	<b>3.375.061.685</b>		<b>0</b>
31	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn An Chiếu 1, xã Liên Phương, đoạn 1: Từ nhà ông Trí đến Chùa Hạ (giai đoạn 2), đoạn 2: Từ Chùa Hạ đến cổng Đình Cầu							3.500.000.000		3.500.000.000		3.087.691.910				3.087.691.910
32	Đường giao thông nông thôn xã Liên Phương (đoạn từ Cổng Trung Nghĩa đường Đông Đông đến đường Ó Gà)							1.000.000.000		1.000.000.000		287.369.775				287.369.775

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch vốn năm 2022				Thực hiện Quý IV			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác
						Tổng số	Ngân sách thành phố								
	<b>UBND xã Phú Cường</b>							2.510.000.000	0	2.510.000.000	0	2.510.000.000	0	2.510.000.000	0
33	Xây dựng trường mầm non xã Phú Cường							2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
34	Nhà lớp học và các phòng chức năng 3 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Phú Cường							510.000.000		510.000.000		510.000.000		510.000.000	
	<b>UBND xã Quảng Châu</b>							1.000.000.000		1.000.000.000	0	568.203.000	0	568.203.000	0
35	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến cuối vườn nhà ông Dân)							1.000.000.000		1.000.000.000		568.203.000		568.203.000	
	<b>UBND phường Hiến Nam</b>							3.000.000.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	3.000.000.000	0
36	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng (18 phòng) trường THCS Hiến Nam							2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	
37	Trường mầm non Hiến Nam (điểm trường An Đông)							1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
	<b>UBND xã Hồng Nam</b>							1.000.000.000		1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0
38	Nhà văn hóa trung tâm xã Hồng Nam							1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	
F	<b>Nguồn tài trợ</b>							6.853.241.000	1.853.241.000	4.611.347.600	0	4.611.347.600	0	4.611.347.600	0
	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>							6.853.241.000	1.853.241.000	4.611.347.600	0	4.611.347.600	0	4.611.347.600	0
1	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành thành lập hạng mục: Nhà học đa năng	TPHY	818 m2	2021-2023	2646/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	6.853.241.000	1.853.241.000	4.000.000.000			4.000.000.000	4.000.000.000			4.000.000.000
2	DA: Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/200 công viên Hồ An Vũ (hồ 2, 3), thành phố Hưng Yên	TPHY						611.347.600			611.347.600	611.347.600			611.347.600
G	<b>Chi thường xuyên</b>					0	0	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000
	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố</b>					0	0	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000
1	Điều chỉnh chung quy hoạch thành phố Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2035							2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000
H	<b>Nguồn vốn được kéo dài</b>							2.185.990.000	0	2.185.990.000	0	2.026.536.500	0	2.026.536.500	0
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên							1.304.577.000		1.304.577.000		1.304.577.000		1.304.577.000	
2	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chuông, thành phố Hưng Yên							480.000.000		480.000.000		480.000.000		480.000.000	
3	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB đường trục phía Bắc khu đô thị Đại học Phố Hiến							401.413.000		401.413.000		241.959.500		241.959.500	